

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH HƯNG YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NQ-HĐND Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số nội dung, định mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý ngân sách nhà nước của tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý ngân sách nhà nước của tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số /BC-... ngày tháng năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã

*hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý ngân sách nhà nước của tỉnh Hưng Yên.*

## **Chương I** **QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định một số nội dung, định mức chi xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 265/2025/NĐ-CP), bao gồm:

a) Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là chương trình, nhiệm vụ).

b) Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo (sau đây viết tắt là hoạt động hỗ trợ).

2. Các nhiệm vụ và hoạt động hỗ trợ sử dụng ngân sách nhà nước có đối ứng thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước của tỉnh Hưng Yên thuộc nội dung triển khai địa phương thực hiện các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành áp dụng quy định tại Nghị quyết này và các quy định tài chính đặc thù (nếu có).

3. Các nguồn vốn khác ngoài phạm vi nguồn vốn ngân sách nhà nước của tỉnh quy định tại Nghị quyết này được huy động để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nội dung và định mức chi được thực hiện theo các quy định của nguồn vốn đó; khuyến khích các cơ quan, đơn vị thực hiện theo định mức chi tại Nghị quyết này.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ bao gồm:

a) Cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ; cơ quan quản lý hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành chương trình, nhiệm vụ; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

### **Điều 3. Nguyên tắc áp dụng**

1. Các định mức chi ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết này là định mức tối đa. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lập, phê duyệt dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách được giao, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Nghị quyết này.

2. Các nội dung và định mức chi ngân sách nhà nước thực hiện chương trình, nhiệm vụ và hoạt động hỗ trợ không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN) và các quy định pháp luật hiện hành khác liên quan.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG, ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

#### **Điều 4. Kinh phí thực hiện chương trình, nhiệm vụ**

1. Nguồn ngân sách địa phương để thực hiện chương trình, nhiệm vụ đặt hàng hằng năm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp, ủy quyền phê duyệt.

2. Nguồn ngân sách nhà nước tại địa phương hằng năm còn lại sau khi đã bố trí để đặt hàng thực hiện các chương trình, nhiệm vụ được bố trí để tài trợ thực hiện các chương trình, nhiệm vụ. Mức đảm bảo của ngân sách nhà nước để xét tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như sau:

a) Ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí đối với các nội dung chi quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản;

b) Ngân sách nhà nước bảo đảm một phần kinh phí đối với các nội dung chi quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP để thực hiện các

nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, nhiệm vụ phát triển công nghệ và nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội với mức bảo đảm kinh phí như sau:

b1) Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí tối đa 80% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội;

b2) Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ;

b3) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại tiêu điểm b1 và b2 điểm này do doanh nghiệp thực hiện, ngân sách nhà nước không bảo đảm kinh phí cho các nội dung chi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

c) Ngân sách nhà nước bảo đảm một phần kinh phí đối với các nội dung chi quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP để xét tài trợ thực hiện các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 5 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP như sau:

c1) Đối với các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, kết quả thực hiện nhiệm vụ để tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh cải tiến đáng kể so với sản phẩm, dịch vụ, quy trình, mô hình kinh doanh đã có, ngân sách nhà nước bảo đảm tối đa không quá 30% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

c2) Đối với các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, trong thời gian thực hiện nhiệm vụ tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh mới, ngân sách nhà nước bảo đảm tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

c3) Đối với nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại tiêu điểm c1 và tiêu điểm c2 điểm này do doanh nghiệp thực hiện, ngân sách nhà nước không bảo đảm kinh phí cho các nội dung chi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP;

c4) Đối với các nhiệm vụ quy định tại các tiêu điểm c1 và c2 điểm này, Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đề xuất tỉ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ bảo đảm không vượt quá mức hỗ trợ quy định tại tiêu điểm c1 và tiêu điểm c2 điểm này và trình Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo xem xét, phê duyệt.

d) Đối với nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí thực hiện bao gồm:

d1) Nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ đối với dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý;

d2) Nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ mà chủ sở hữu quyền là cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội;

d3) Nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ để phát triển công nghệ chiến lược theo Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

đ) Nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện chương trình, nhiệm vụ được quy định tại Chương II của Thông tư này và theo các quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước.

3. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa không vượt quá 2,5 lần giá trị đóng góp của đối tác nước ngoài đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế, trừ trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

4. Nguồn kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp đối ứng để thực hiện chương trình, nhiệm vụ:

a) Mức chi từ nguồn kinh phí đối ứng để thực hiện chương trình, nhiệm vụ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp do doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp tự quyết định;

b) Các khoản chi của doanh nghiệp trực tiếp cho chương trình, nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP;

c) Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện chương trình, nhiệm vụ thực hiện theo quy định về nội dung chi và quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ tại Điều 13 và Điều 14 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

5. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

6. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp tham gia thực hiện các chương trình, nhiệm vụ cần xây dựng phương án và chủ động huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước, trong đó nêu đầy đủ nhu cầu về kinh phí, chi tiết theo từng nguồn nêu tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này và thuyết minh rõ khả năng huy động các nguồn tài chính để thực hiện.

Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm sử dụng và giải ngân nguồn kinh phí huy động theo đúng phương án huy động các nguồn tài chính, bảo đảm cơ cấu theo tỷ lệ với nguồn ngân sách nhà nước đã được phê duyệt.

## **Điều 5. Định mức chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Định mức chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được lập theo nội dung, công việc nghiên cứu, số tháng quy đổi tham

gia thực hiện nhiệm vụ và theo chức danh (đối với chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (đối với thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ). Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh được quy đổi theo tháng tối đa không quá 50 triệu đồng/người/tháng;

Định mức chi thù lao quy đổi theo tháng đối với các chức danh khác được tính theo định mức chi thù lao quy đổi theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ nhân với mức hệ số không vượt quá hệ số lao động khoa học của chức danh tương ứng. Cụ thể như sau:

STT	Chức danh (CD)	Hệ số lao động khoa học ( $H_{CD}$ )
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1,0
2	Thư ký khoa học	0,3
3	Thành viên chính	0,8
4	Thành viên	0,4
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2

2. Mức thù lao cụ thể cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo xem xét, quyết định trong phạm vi mức trần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước dự kiến đối với từng loại hình nhiệm vụ được quy định tại Điều 4 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và Điều 5 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

3. Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Định mức chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 26 ngày).

4. Định mức chi thù lao, hệ số lao động khoa học và số tháng quy đổi cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chi tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này là căn cứ để xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được duyệt, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quyết định mức thanh toán tiền thù lao của các nhóm chức danh tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và tiền công thuê lao động phổ thông (nếu có) phù hợp với thực tế triển khai thực hiện nhiệm vụ.

**Điều 6. Định mức chi thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu (sau đây viết tắt là Thông tư số 004/2025/TT-BNV). Tổng dự toán kinh phí thực hiện thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

Trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 13 Thông tư này, cơ quan có thẩm quyền quyết định sau khi có văn bản giải trình của cơ quan chủ trì nhiệm vụ.

2. Chi thuê chuyên gia ngoài nước là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài: Theo biên bản thương thảo nội dung yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia giữa tổ chức đăng ký chủ trì và chuyên gia. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ đặc thù hoặc công nghệ lõi của chuyển đổi số có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giải trình cụ thể lý do để cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

**Điều 7. Định mức chi công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Định mức chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) ngoài các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 779/2025/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Nghị quyết số 242/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành chế độ chi tiếp

khách nước ngoài, chế độ chi hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước và các quy định pháp luật hiện hành khác.

2. Phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn ở trong nước và nước ngoài phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được lập căn cứ vào mức phí tham gia do Ban tổ chức thông báo.

3. Định mức chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

a) Người chủ trì hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 2.000.000 đồng/buổi;

b) Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 700.000 đồng/buổi;

c) Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 5.000.000 đồng/báo cáo;

d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học: 3.000.000 đồng/báo cáo;

đ) Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 300.000 đồng/thành viên/buổi.

### **Điều 8. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu**

Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành (nếu có); hoặc theo quy định tại Nghị quyết số 180/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

### **Điều 9. Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Định mức chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không quá 50% mức chi cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại quy định về định mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

### **Điều 10. Định mức chi đối với công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức chủ trì nhiệm vụ**

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm các chi phí liên quan đến tổ chức, giám sát triển khai thực hiện, chi phí hành chính để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tổ chức chủ trì với định mức bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công

nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 400 triệu đồng/nhiệm vụ.

### **Chương III**

## **QUY ĐỊNH VỀ MỘT SỐ NỘI DUNG, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG NÂNG CAO NĂNG LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA; HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO, THÚC ĐẨY VĂN HÓA ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO**

### **Điều 11. Kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ**

1. Ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ như sau:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí đối với các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP theo các nội dung chi và mức hỗ trợ quy định tại Điều 38 của Thông tư 39/2025/TT-BKHCN.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để thực hiện các hoạt động hỗ trợ tại khoản 6 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP được phê duyệt theo nguyên tắc như sau:

b1) Đối với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức khoa học và công nghệ công lập: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ;

b2) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở ngoài công lập, doanh nghiệp và tổ chức khác, mức tỷ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ;

c) Số kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ quy định tại điểm b khoản này được xác định trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ hợp lệ để thực hiện các hoạt động hỗ trợ và tối đa không vượt quá số kinh phí được phê duyệt thực hiện hoạt động hỗ trợ.

2. Nguồn kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp để thực hiện hoạt động hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 4 của Nghị quyết này.

3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

### **Điều 12. Một số nội dung, định mức hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ**

1. Hỗ trợ cho nhà khoa học trẻ tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế; chi hỗ trợ nhà khoa học tham dự báo cáo công trình nghiên cứu xuất sắc tại hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành bao gồm các nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước như sau:

a) Một vé máy bay, phương tiện khác khứ hồi hạng phổ thông từ Việt Nam đến nơi tổ chức hội nghị, hội thảo;

b) Chi phí đi lại từ nhà, nơi ở của nước đến sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu và ngược lại;

c) Tiền thuê phòng nghỉ, tiền ăn và tiêu vặt ở nước đến tham dự hội nghị, hội thảo, tiền bảo hiểm trong thời gian đi tham dự hội nghị, hội thảo;

d) Phí tham dự hội nghị, hội thảo theo quy định của ban tổ chức (nếu có);

đ) Chi phí visa và công chứng dịch thuật có liên quan.

2. Chi đoàn ra, đoàn vào hỗ trợ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được xây dựng theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định chế độ công tác phí đi công tác nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí; Nghị quyết số 779/2025/NQ-HĐND; Nghị quyết số 242/2019/NQ-HĐND và các quy định pháp luật hiện hành khác do trung ương và tỉnh ban hành (nếu có).

3. Chi hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ, học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ, nhà khoa học xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng bao gồm ngân sách nhà nước hỗ trợ:

a) Một lần chi phí đi lại tới đơn vị chủ trì nghiên cứu sau tiến sĩ, cơ quan, tổ chức giáo dục, đào tạo nghiên cứu của nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ và học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ và ngược lại cho các đối tượng quy định tại điểm c và điểm d của khoản này;

b) Hỗ trợ sinh hoạt phí cho người thực hiện nghiên cứu quy định tại khoản này không sống tại tỉnh, thành phố có đơn vị chủ trì nghiên cứu trong thời gian không quá 12 tháng với mức hỗ trợ là 10 triệu đồng/01 tháng cho các đối tượng quy định tại điểm c và điểm d khoản này;

c) Hỗ trợ kinh phí chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở cho nghiên cứu viên sau tiến sĩ, nhà khoa học xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng;

d) Hỗ trợ kinh phí tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở cho nghiên cứu sinh, học viên cao học.

4. Chi thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài trong đó ưu tiên cho nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng. Ngân sách nhà nước hỗ trợ cá nhân nhà khoa học đi thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài:

a) Hỗ trợ tối đa 06 tháng tiền sinh hoạt phí theo mức quy định tại Thông tư số 30/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030;

b) Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe trong thời gian ở nước đi thực tập, nghiên cứu theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC;

c) Hỗ trợ một lần trong toàn bộ thời gian đi thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài: một vé máy bay, phương tiện khác khứ hồi hạng phổ thông từ Việt Nam đến đơn vị chủ trì nghiên cứu; chi phí đi lại từ nhà, nơi ở của nước đến sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu và ngược lại.

5. Chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cho cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Chi tổ chức hội thảo khoa học trong nước và quốc tế ở Việt Nam do ngân sách nhà nước hỗ trợ gồm:

a) Chi phí thuê địa điểm, phòng họp, hội trường, thiết bị kỹ thuật theo thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Chi phí thuê chỗ ở, chi phí ăn hàng ngày theo mức Đoàn viên Đoàn khách hạng C quy định tại Nghị quyết số 242/2019/NQ-HĐND; chi phí đi lại (vé máy bay khứ hồi hạng phổ thông và chi phí đi lại tại Việt Nam) của nhà khoa học nước ngoài được mời tham dự và trình bày báo cáo tại hội thảo;

c) Chi phí ăn ở, đi lại của Ban tổ chức theo quy định tại Nghị quyết số 779/2025/NQ-HĐND.

7. Chi công bố kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong nước và quốc tế do ngân sách nhà nước hỗ trợ gồm:

a) Hỗ trợ 100% phí công bố (phí đăng tải kết quả nghiên cứu) cho công trình khoa học và công nghệ do cá nhân nhà khoa học hoặc nhóm nhà khoa học thực hiện;

b) Trường hợp công bố kết quả nghiên cứu do cá nhân nhà khoa học thực hiện không sử dụng ngân sách nhà nước, ngoài kinh phí công bố kết quả nghiên cứu quy định tại điểm a khoản này, cá nhân nhà khoa học hoặc nhóm nhà khoa học sẽ được hỗ trợ thêm 2 tháng tiền công lao động khoa học tương ứng với thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết này. Đối với nhóm nhà khoa học, người đăng ký hỗ trợ là người được nhóm nhà khoa học xác nhận là tác giả chính;

8. Chi hỗ trợ nâng cao chất lượng của tạp chí khoa học được ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản sau đây:

a) Kinh phí thuê chuyên gia nước ngoài tư vấn về xuất bản tạp chí theo mức thương thảo tiền thuê chuyên gia của tạp chí khoa học đề xuất hỗ trợ, trong đó thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia;

b) Phí xuất bản trong thời gian không quá 02 năm để các nhà xuất bản có uy tín trên thế giới nhận xuất bản tạp chí được lập dự toán theo báo giá của nhà xuất bản tại thời điểm đề xuất hỗ trợ;

c) Kinh phí thuê biên tập tiếng Anh trong thời gian không quá 02 năm. Mức chi thuê biên tập tiếng Anh được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV.

9. Chi tặng thưởng cho tập thể, cá nhân có kết quả xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo: mức khen thưởng thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 50 Nghị định 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

10. Chi hỗ trợ mời nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Một vé máy bay khứ hồi hạng thương gia/phổ thông đặc biệt từ nước ngoài đến Việt Nam. Việc xác định mức hỗ trợ phụ thuộc vào khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và mức độ đóng góp của nhà khoa học nước ngoài đối với hoạt động nghiên cứu; hợp tác và đào tạo của tổ chức tiếp nhận tại Việt Nam;

b) Chi phí đi lại phát sinh tại Việt Nam và chi phí đi lại từ nhà, nơi ở tại Việt Nam đến sân bay và ngược lại;

c) Chi phí thuê chỗ ở trong thời gian tối đa 03 tháng, chi phí ăn hàng ngày theo mức Đoàn viên Đoàn khách hạng B quy định tại Nghị quyết số 242/2019/NQ-HĐND;

d) Chi dịch thuật phục vụ trao đổi học thuật quy định tại Nghị quyết số 242/2019/NQ-HĐND.

11. Chi hỗ trợ, tài trợ thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng tổng công trình sư, nhân tài, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ, chính sách, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước.

12. Chi hỗ trợ hoạt động sáng kiến theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP: Thực hiện theo các quy định pháp luật về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 13. Một số nội dung, định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo**

1. Chi đào tạo, chi nâng cao năng lực cho hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian của thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp sáng tạo; tổ chức các khóa đào tạo trong nước, nước ngoài; thuê chuyên gia trong nước, quốc tế:

a) Hỗ trợ kinh phí mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyên gia, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế đưa vào chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học: Thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

b) Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo cho hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian của thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm:

b1) Đối với chuyên gia trong nước: Mức chi thuê chuyên gia theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV;

b2) Đối với chuyên gia nước ngoài: Mức chi trả cho chuyên gia nước ngoài do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình đào tạo quyết định sau khi đã thỏa thuận với chuyên gia theo hợp đồng và trong phạm vi dự toán được phê duyệt. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia nước ngoài tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện hoạt động.

c) Hỗ trợ chi phí tổ chức các khóa đào tạo cho hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian của thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Thực hiện theo các quy định pháp luật về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

2. Chi cho kết nối mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, quốc tế: Tổ chức hội nghị, hội thảo kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, đầu tư mạo hiểm ở trong nước với khu vực và thế giới; thuê chuyên gia hỗ trợ, kết nối đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; chi hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) bao gồm:

a) Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, quốc tế: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 779/2025/NQ-HĐND, số 242/2019/NQ-HĐND (áp dụng đổi

với hội nghị, hội thảo có tính chất quốc tế theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt);

b) Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, quốc tế bao gồm:

b1) Đối với chuyên gia trong nước: Mức chi thuê chuyên gia theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV;

b2) Đối với chuyên gia nước ngoài: Mức chi trả cho chuyên gia nước ngoài do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình kết nối quyết định sau khi đã thỏa thuận với chuyên gia theo hợp đồng và trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

3. Chi hỗ trợ xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ: chi tổ chức hội nghị, hội thảo, đoàn giao dịch thương mại và sự kiện xúc tiến thương mại ở trong nước, nước ngoài, công tác phí cho người đi công tác ở trong nước, nước ngoài; chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; đón các đoàn nước ngoài vào Việt Nam tham gia hội chợ, triển lãm, khảo sát thị trường và giao dịch với doanh nghiệp Việt Nam; chi điều tra, khảo sát tìm hiểu thông tin, nghiên cứu đánh giá nhu cầu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường; chi thuê chuyên gia tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, xuất khẩu sản phẩm, thâm nhập thị trường nước ngoài; chuyên gia nghiên cứu, tư vấn, đánh giá thị trường, sản phẩm; chi tuyên truyền, quảng bá, cung cấp thông tin, xây dựng và phát hành các ấn phẩm phục vụ chương trình xúc tiến thương mại.

Thực hiện theo các quy định pháp luật về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

4. Chi hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hỗ trợ hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ; hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu.

a) Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, bao gồm:

a1) Hỗ trợ tối đa không quá 20 triệu đồng/năm đối với chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung;

a2) Hỗ trợ tối đa không quá 5 triệu đồng/tháng đối với chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng.

b) Hỗ trợ hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ: thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu: thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

5. Chi tổ chức sự kiện ngày hội đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cấp quốc gia, quốc tế; tổ chức trình diễn, giới thiệu các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng, chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện; tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo thuộc các đơn vị cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương, quốc gia, quốc tế.

a) Thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức sự kiện (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan): Thực hiện theo các quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

b) Hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia;

c) Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 779/2025/NQ-HĐND, số 242/2019/NQ-HĐND (áp dụng đối với hội nghị, hội thảo trong nước).

d) Tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc các ngành, lĩnh vực, tại các địa phương, đơn vị cơ sở:

d1) Nội dung và mức chi: Thực hiện theo nội dung và mức chi áp dụng đối với hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng;

d2) Trong trường hợp huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác (không phải nguồn ngân sách nhà nước) từ các tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài để tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo thuộc các ngành, lĩnh vực, tại các địa phương, đơn vị cơ sở: Nội dung, mức chi và thời hạn tổ chức cuộc thi xét tặng giải thưởng thực hiện theo thỏa thuận xét tặng giải thưởng cụ thể của các tổ chức, cá nhân tài trợ sau khi đã được cơ quan có thẩm

quyền đồng ý cho tổ chức, cá nhân đó tổ chức xét tặng giải thưởng theo quy định của pháp luật.

6. Chi tôn vinh, trao giải cho các dự án, cá nhân, tổ chức đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo đạt thành tích xuất sắc tại các cuộc thi, giải thưởng đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo do cấp có thẩm quyền tổ chức ở địa phương, cấp quốc gia hoặc được công nhận là giải thưởng quốc tế có uy tín: thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều này.

7. Chi truyền thông, phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo: xây dựng tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản, tác phẩm văn học nghệ thuật, chương trình truyền hình; tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến về các điển hình đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thành công của Việt Nam; các nội dung khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm, chi truyền thông trên mạng xã hội) được lập theo các quy định như sau:

a) Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản;

b) Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;

c) Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP;

d) Các nội dung chi khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm, chi truyền thông trên mạng xã hội, nhuận bút): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

đ) Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến về các điển hình khởi nghiệp sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thành công của Việt Nam: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 779/2025/NQ-HĐND;

8. Chi hoạt động thúc đẩy, phát triển thị trường khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Chi xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, tiêu chuẩn, doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; cơ sở dữ liệu về công nghệ, sáng chế, chuyên gia, bao gồm:

a1) Chi thuê chuyên gia (trong nước và quốc tế) để xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, tiêu chuẩn, doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, và cơ sở dữ liệu. Mức chi thuê chuyên gia trong nước và quốc tế được xác định theo hợp đồng khoán việc, trên cơ sở thương thảo, thuyết minh rõ kết quả và tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, áp dụng theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV;

a2) Chi khảo sát, điều tra, thu thập số liệu, dữ liệu phục vụ xây dựng bản đồ công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, tiêu chuẩn thực hiện theo quy định Nghị quyết số 779/2025/NQ-HĐND, số 180/2022/NQ-HĐND;

a3) Chi mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu, mua thông tin, tài liệu về công nghệ, sáng chế, tiêu chuẩn, chuyên gia căn cứ vào sự cần thiết, số lượng quyền truy cập/gói cần thiết, báo giá từ nhà cung cấp dịch vụ hoặc giá niêm yết tại thời điểm lập dự toán;

a4) Chi xây dựng và phát triển phần mềm, ứng dụng để quản lý cơ sở dữ liệu về công nghệ, sáng chế, chuyên gia thực hiện theo báo giá hoặc hợp đồng dự kiến của đơn vị cung cấp tại thời điểm lập dự toán.

b) Chi thúc đẩy giao dịch, kết nối thị trường khoa học và công nghệ: thuê địa điểm, truyền thông, hỗ trợ trưng bày, giới thiệu công nghệ, chi phí đi lại, vận chuyển để tổ chức các sự kiện xúc tiến chuyển giao công nghệ; chi thuê chuyên gia phân tích hồ sơ công nghệ, khảo sát, lập báo cáo định giá, giám định, thẩm định, đánh giá công nghệ, chuyển giao công nghệ, bao gồm:

b1) Chi tổ chức sự kiện xúc tiến chuyển giao công nghệ, giao dịch, kết nối thị trường (thuê địa điểm, truyền thông, hỗ trợ trưng bày, giới thiệu công nghệ, chi phí đi lại, vận chuyển) thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b2) Chi thuê chuyên gia phân tích hồ sơ công nghệ, khảo sát, lập báo cáo định giá, giám định, thẩm định, đánh giá công nghệ, chuyển giao công nghệ. Mức chi thuê chuyên gia xác định căn cứ báo giá dịch vụ tư vấn của công ty/tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn trong nước và quốc tế tại thời điểm lập dự toán, áp dụng theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV;

c) Chi hỗ trợ mua phần mềm chuyên dụng, tài liệu chuyên môn, học liệu; tổ chức khóa học, hội thảo chuyên đề, đào tạo về định giá, giám định, môi giới chuyển giao công nghệ, bao gồm:

c1) Chi hỗ trợ mua phần mềm chuyên dụng, tài liệu chuyên môn, học liệu phục vụ định giá, giám định, môi giới chuyển giao công nghệ thực hiện theo báo giá hoặc hợp đồng dự kiến của đơn vị cung cấp;

c2) Chi tổ chức khóa học, hội thảo chuyên đề, đào tạo về định giá, giám định, môi giới chuyển giao công nghệ: Chi phí tổ chức khóa đào tạo, hội thảo chuyên đề thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 779/2025/NQ-HĐND;

d) Chi khảo sát, nghiên cứu thị trường, bao gồm:

d1) Chi thuê dịch vụ khảo sát, nghiên cứu thị trường (bao gồm thuê chuyên gia, thuê đơn vị nghiên cứu) thực hiện theo hợp đồng và báo giá của đơn vị cung cấp dịch vụ tại thời điểm lập dự toán, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

d2) Chi tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập và xử lý số liệu thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 779/2025/NQ-HĐND, số 180/2022/NQ-HĐND;

d3) Chi công tác phí, chi hội nghị phục vụ công tác khảo sát, nghiên cứu thị trường theo quy định tại Nghị quyết số 779/2025/NQ-HĐND;

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

#### **Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại các khoản 3 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có đề xuất đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến ngày 01 tháng 10 năm 2025 chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 tiếp tục thực hiện theo quy định Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13.

3. Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của tỉnh theo phân cấp quản lý của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 quy định tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 được tiếp tục thực hiện đến khi kết thúc thời gian thực hiện Chương trình.

4. Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của tỉnh theo phân cấp quản lý của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 quy định tại Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 được tiếp tục thực hiện đến khi kết thúc thời gian thực hiện Chương trình.

#### **Điều 16. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm 2026.
2. Các nội dung sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Điều 5, Điều 6, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành quy định mức lập dự toán kinh phí định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và một số định mức chi hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

b) Điều 4 Nghị quyết số 395/2023/NQ-HĐND ngày 02/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định định mức xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

3. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa .... Kỳ họp thứ .... thông qua ngày .... tháng .....năm 2026./.*

**CHỦ TỊCH**